TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 132/2020/DS-PT
Ngày 28/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký Toà án: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5232/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông Trần Văn S, sinh năm 1944; có mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Bị đơn***: - Ông Lê Quang C, sinh năm 1982; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn Đường Thôn, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: đường NG4, phường 8, Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1950; địa chỉ: Đội 4, thôn Đường Thôn, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Ông Trần Văn C, sinh năm 1961; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; có mặt.

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn Đường Thôn, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

4. Bà Dương Thị D, sinh năm 1957; địa chỉ: xóm 7, xã Kim Chính, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

5. Ông Trần Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: xã Tân An, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố 3, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

8. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Trần Văn S (nguyên đơn) trình bày:

Bố mẹ ông là ông Trần Văn Thoạn và bà Lê Thị Khểnh có 09 người con, gồm: ông Trần Văn Kim, ông Trần Văn Kỳ, ông Trần Văn Kia, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Thành, bà Trần Thị S, bà Trần Thị Bảy, ông Trần Văn T, và ông Trần Văn C (trong số đó có ông Trần Văn Kim, ông Trần Văn Kỳ, ông Trần Văn Kia, ông Trần Văn Thành và bà Trần Thị Bảy đều đã chết).

Lúc còn sống, ông Thoạn và bà Khểnh tạo lập được khối tài sản gồm nhà và đất ở tại thửa đất số 371, 372 tờ bản đồ số 3 với diện tích đất 1204m^2 bản đồ 299 địa chính xã G đo vẽ năm 1985 mang tên chủ sử dụng là ông Thoạn. Trên mảnh đất có 4 gian nhà ngói cấp 4 vừa là nơi ở, vừa là nơi thờ tự tổ tiên và thờ liệt sỹ Trần Văn Thành và các cây cối lưu niên. Lúc sinh thời, bố mẹ ông và các anh chị em của ông cùng sinh sống trên mảnh đất này. Sau này các anh chị em đều lập gia đình riêng và chuyển đến ở nơi khác, chỉ còn bố mẹ ông sinh sống trên thửa đất này.

Mẹ ông là bà Khểnh chết năm 1995, bố ông là ông Thoạn chết năm 2007, cả hai đều không để lại di chúc cũng như không có giấy tờ gì về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản cho bất kỳ ai. Vì các anh chị em trong gia đình mỗi người một nơi, chưa có điều kiện họp bàn để chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại nên đã ủy quyền cho ông trông coi nhà cửa đất đai và thờ tự ông bà, tổ tiên.

Tuy nhiên, đến năm 2010, không biết vì lý do gì mà Ủy ban nhân dân (UBND) xã G lại đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Trần Văn C đối với thửa đất mà bố mẹ ông để lại, với diện tích là 557m^2. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông Chính đã chuyển nhượng lại 400m^2 cho ông Lê Quang C ở cùng thôn.

Ngày 26/5/2016 UBND huyện H đã cấp 02 GCNQSDĐ số CH00533/1243/QĐ-UBND cho hộ ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T tại thửa số 383, tờ bản đồ số 5 với diện tích là 157m^2, và GCNQSDĐ số CHO0825/1243/QĐ-UBND cho hộ ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thu H tại thửa số 383-1, tờ bản đồ số 5 với diện tích là 400m^2.

Sau khi biết sự việc trên, ông đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện H. Cho đến nay UBND huyện H đã ban hành quyết định hủy GCNQSDĐ số CH00533/1243/QĐ-UBND của hộ ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T. Còn GCNQSDĐ số CH00825/1243/QĐ-UBND của hộ ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thu H thì chưa hủy.

Xét thấy việc cấp GCNQSDĐ của UBND huyện H là sai trái vì mảnh đất là di sản của bố mẹ ông để lại, chưa được phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật nên ông đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết các việc sau:

- Chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật.

- Hủy giấy GCNQSDĐ số CH00825/1243/QĐ-UBND của hộ ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thu H.

Ông Lê Quang C và bà Nguyễn Thị Thu H (bị đơn) trình bày:

Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T có một khu đất diện tích 557m^2 tại thửa 383, tờ bản đồ số 5, thôn Trung Sơn, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CH 00533/4703/QĐ-UBND ngày 10/12/2010.

Ngày 26/5/2016, vợ chồng ông Chính, bà Thảo đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông được quyền sử dụng thửa đất số 383-1 có diện tích 400m^2 với giá 80.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã thanh toán đầy đủ số tiền cho ông Chính, bà Thảo. UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông, ông Chiều cho rằng việc chuyển nhượng giữa vợ chồng ông với ông Chính, bà Thảo là hợp pháp, ông Sơn không có quyền yêu cầu hủy GCNQSDĐ của gia đình ông, đề nghị Tòa án xem xét.

Ông Trần Văn C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bố mẹ ông là ông Trần Văn Thoạn và bà Lê Thị Khểnh có 09 người con như ông Sơn đã trình bày. Năm 1995, khi mẹ ông mất thì các anh chị em trong nhà đều

có mặt đầy đủ, họp gia đình và công bố viết di chúc chia di sản thừa kế. Cụ thể là chia cho ông Trần Văn T mảnh đất sau nhà, có diện tích là 507m^2, còn chia cho ông mảnh đất phía trước nhà có diện tích là 557m^2. Tất cả các anh em đều đồng ý ký và có 02 người bác ruột chứng kiến là ông Trần Văn Xương và ông Trần Đức Thắng. Đến năm 2007, bố ông là Trần Văn Thoạn chết. Cùng năm này, ông Sơn đã làm đơn khiếu nại đối với ông gửi lên UBND xã G, vì cho rằng ông không phải là chủ sở hữu quyền sử dụng đất. UBND xã G đã mời ông và ông Sơn lên làm việc, kết quả xem xét hồ sơ địa chính năm 2004 thì ông và ông Trần Văn T được chia cho 02 mảnh đất như trên là đúng và ông Sơn không còn ý kiến gì.

Sau đó, cán bộ địa chính của UBND xã cùng trưởng thôn, bí thư thôn, và hai người hàng xóm đến để chứng kiến việc cắm mốc ranh giới chia thừa kế cho từng người trong gia đình. Đối với phần đất của ông Trần Văn T, do ông Tám không có mặt ở nhà nên để lại cho ông Sơn sử dụng tạm thời và thực hiện nộp thuế cho nhà nước. Đối với phần đất của ông thì vẫn do ông quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ.

Năm 2010 ủy ban xã có thực hiện kế hoạch cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, trong đó có hộ của ông và ông Trần Văn T nên ông đã làm thủ tục để UBND cấp GCNQSDĐ. Ngày 10/12/2010 ông được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ đối với mảnh đất ở thửa 383. Đến năm 2016 ông đã chuyển nhượng lại 400m^2 cho cháu của ông là Lê Quang C và đã làm thủ tục tách sổ, diện tích đất còn lại là 157m^2 bao gồm nhà, sân và 2 đầu là vườn vẫn do ông quản lý, sử dụng. Trong quá trình đó, nhà bị xuống cấp hư hỏng nên ông đã cho tu sửa lại để ở. Nay ông Trần Văn S khởi kiện ông với những nội dung như vậy là không đúng, ông không đồng ý vói yêu cầu của ông Sơn.

Bà Trần Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bố mẹ bà là ông Thoạn và bà Khểnh khi chết có để lại di chúc nhưng đến nay đã bị thất lạc. Khi để lại di chúc, có người làm chứng là trưởng thôn, hai người hàng xóm và ông Sơn cùng chứng kiến. Ông Thoạn đã mang giấy tờ phân chia lên ủy ban xã chứng nhận và sau này dựa vào giấy đó để cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn C. Còn mảnh đất của ông Tám do ông Tám đi xa và chưa có yêu cầu nên ủy ban chưa cấp. Việc ủy ban cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn C là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, do đó việc ông Sơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Chính và yêu cầu phân chia di sản thừa kế là không đúng, bà không đồng ý với các yêu cầu của ông Sơn.

Ông Trần Văn T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Khi chết, bố mẹ ông đều không để lại di chúc cũng như không có giấy tờ gì về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản cho bất kỳ ai. Vì các anh chị em trong gia đình mỗi người một nơi, chưa có điều kiện họp bàn để chia di sản

thừa kế của bố mẹ để lại nên đã ủy quyền lại cho ông Sơn trông coi nhà cửa đất đai và thờ tự ông bà tổ tiên.

Khu đất mà ông Sơn đang khởi kiện tại Tòa án là của bố mẹ ông để lại, không có di chúc. Việc ông Chính, bà Sáu nói bố mẹ ông có lập di chúc trước khi chết là không đúng.

Từ trước đến nay ông chưa bao giờ làm thủ tục kê khai để cấp GCNQSDĐ và cũng chưa bao giờ được nhận GCNQSDĐ do UBND huyện H cấp như trong báo cáo của UBND xã G và UBND huyện H cung cấp cho Tòa án. Ông Tám đồng tình với những nội dung ông Sơn đã khởi kiện.

Ông Trần Văn Xương, ông Hoàng Thanh Sơn, ông Trần Văn Đài (người làm chứng) trình bày:

Việc tranh chấp đất đai trong gia đình anh em ông Sơn, các ông không biết gì, đây là chuyện nội bộ của gia đình các ông ấy, các ông không tham gia.

Theo Văn bản số 2586 ngày 03/8/2017 của UBND huyện H giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Văn S, có nội dung sau:

Theo hồ sơ địa chính 299 năm 1985 thì thửa số 371 tờ bản đồ số 3 diện tích 624m^2 đứng tên ông Trần Văn Thoạn; thửa số 372 tờ bản đồ số 3, diện tích 580m^2 không ghi tên chủ sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính năm 2004 thì thửa số 383 tờ bản đồ số 5, diện tích 557m^2 đứng tên ông Trần Văn C; thửa số 354, tờ bản đồ số 5 diện tích 507m^2 đứng tên ông Trần Văn T.

Trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân xã G năm 2010 thì hộ ông Trần Văn C và Trần Văn T không có hồ sơ giấy tờ gì liên quan đến chuyển nhượng, tặng cho hoặc thừa kế quyền sử dụng đất.

Hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ giữa hộ ông Trần Văn C và ông Lê Quang C gồm Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được UBND xã G chứng thực ngày 08/4/2016; Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, đơn đề nghị và các giấy tờ khác lên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Theo báo cáo giải trình của UBND xã G thì thửa đất mà ông Chính và ông Tám được cấp GCNQSĐ là có nguồn gốc của ông Trần Văn Thoạn và bà Lê Thị Khểnh, có nguồn gốc từ trước năm 1980. Khi đo đạc địa chính năm 2004 thì ông Chính và ông Tám đã kê khai đứng tên trong hồ sơ địa chính nhưng không có hồ sơ giấy tờ gì. Quá trình giải quyết khiếu nại của UBND xã G đối với ông Sơn thì ông Chính không cung cấp được được biên bản họp gia đình hoặc di chúc mà theo ông Chính trình bày là bị thất lạc.

Tại Văn bản trên đã kết luận: Thửa đất số 383 tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính xã G năm 2010) diện tích 557m^2 tại thôn Trung Sơn, xã G có nguồn gốc là của ông Trần Văn Thoạn và bà Lê Thị Khểnh.

Đối với phần diện tích đất chuyển nhượng 400m^2 giữa ông Chính và ông Chiều không thu hồi theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Giao phòng TNMT tham mưu cho UBND huyện thu hồi, hủy bỏ GCNQSĐ số CĐ 274456 đã cấp cho ông Chính, bà Thảo.

Nhận thấy việc ông Sơn khiếu nại là có cơ sở nên ngày 25/10/2017 UBND huyện Thiệu Hoá đã ra quyết định thu hồi diện tích đất 157m^2 đã cấp cho ông Chính trước đó.

Theo Văn bản số 1111/UBND-TNMT ngày 19/10/2018 của UBND huyện H và Văn bản số 414/VBPĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND xã G cung cấp cho Tòa án, có nội dung:

Theo hồ sơ địa chính xã G thiết lập năm 2004 thì thửa đất ông Trần Văn S đang có đơn khiếu nại đã được tách thành 02 thửa đất, cụ thể:

Thửa đất số 01 đứng tên ông Trần Văn T, được thể hiện tại bản đồ số 05, thửa đất số 354, diện tích đất 507m^2 (chưa cấp GCNQSDĐ).

Thửa đất số 02 đứng tên gia đình ông Trần Văn C được thể hiện tại bản đồ số 05, thửa đất số 383, diện tích đất 557m^2. Đến năm 2010 gia đình ông Chính đã được cấp GCNQSDĐ, số BD 975296, diện tích 557m^2. Ngày 08/4/2016 gia đình ông Chính đã chuyên nhượng 400m^2 cho ông Lê Quang C. Việc chuyển nhượng đúng theo quy định của Luật đất đai, ông Chiều đã được cấp GCNQSDĐ số CĐ 274457 diện tích 400m^2. Phần diện tích đất còn lại 157m^2 UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ cho ông Chính, số CĐ 274456.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2019 của Tòa án:

Hiện tại, ông Chiều đang quản lý, sử dụng khu đất 400m^2, đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ. Trên đất có các công trình của ông Chiều xây dựng như nhà ở, nhà bếp, sân gạch bát, tường rào trị giá 199.139.000 đồng;

Ông Chính đang quản lý, sử dụng khu đất 157m^2 đã được cấp GCNQSDĐ nhưng đã bị thu hồi GCNQSDĐ tại Quyết định số 3472/2017/UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện H. Trên đất có 01 nhà nhỏ 04 gian, mái ngói, tường gạch đã cũ, xây dựng từ những năm 1960-1961 không còn giá trị sử dụng. Các bên đương sự thống nhất không định giá.

Ông Sơn đang quản lý, sử dụng khu đất 507m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai.

Tổng diện tích cả 03 khu đất trên là 1064m^2 có tường rào bằng gạch tro lò bao xung quanh. Các bên thống nhất không định giá tường rào, trừ phần tường rào trên phần đất ông Chiều đang sử dụng.

Tại thời điểm trên, khu đất đang tranh chấp có giá trị là 280.000đ/m^2. Các bên đương sự thống nhất giá đất như Hội đồng định giá đã xác định. Trên khu đất có 01 số cây chuối nhỏ, không có giá trị kính tế, các bên không yêu cầu định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 651, 652 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 167 Luật đất đai; khoản 5 Điều 26; khoản 1, khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Trần Văn S về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế" của ông Trần Văn Thoạn và bà Lê Thị Khểnh.

- Không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Văn S về việc "yêu cầu hủy GCNQSDĐ" của ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Hiền.

- Xác định di sản của ông Thoạn, bà Khểnh để lại sau khi chết là 1064m^2 đất ở, trị giá 297.920.000 đồng.

Những người thừa kế là: ông Trần Văn S, bà Trần Thị S, ông Trần Văn T, ông Trần Văn C và các con của ông Kia là Trần Văn D, Trần Thị H, Trần Thị H.

Trích chia công sức cho ông Trần Văn S số tiền 47.920.000 đồng. Phần di sản còn lại là 250.000.000 đồng chia đều cho 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 50.000.000 đồng. Phân chia cụ thể như sau:

- Chia cho ông Trần Văn T thửa đất diện tích 307m^2 trị giá 85.960.000 đồng. Phía Bắc giáp đường đi của thôn; phía Nam giáp với phần đất ông Trần Văn S được chia; phía Đông giáp đường đi của thôn; phía Tây giáp hộ ông Hoàng Cao Lệ. Kích thuức khu đất có chiều dài 25,4m, chiều rộng 12,09m.

Kỷ phần tài sản ông Tám được hưởng là 50.000.000 đồng nên ông Tám có nghĩa vụ giao lại cho ông Trần Văn S số tiền 35.960.000 đồng.

- Chia cho ông Trần Văn S thửa đất diện tích 200m^2 trị giá 56.000.000 đồng. Phía Bắc giáp với phần đất ông Tám được chia; phía Nam giáp với phần đất ông Chính được chia; phía Đông giáp đường đi của thôn; phía Tây giáp hộ ông Hoàng Cao Lệ. Kích thước khu đất có chiều dài 25,4m, chiều rộng 7,88m.

Kỷ phần tài sản ông Sơn được hưởng là 50.000.000 đồng cộng với phần tài sản được trích chia công sức 47.920.000 đồng. Tổng gía trị tài sản ông được hưởng

là 97.920.000 đồng nên ông được nhận thêm ở ông Trần Văn T giao lại số tiền là 35.960.000 đồng; ông Trần Văn C giao lại số tiền 5.960.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng tăng thêm ở phần đất ông được chia.

- Chia cho ông Trần Văn C thửa đất diện tích 557m^2 trị giá 155.960.000 đồng (bao gồm cả phần diện tích đất 400m^2 ông đã bán cho ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Hiền). Phía Bắc giáp với phần đất ông Sơn được chia; phía Nam giáp đường đi của làng; phía Đông giáp đường đi của làng; phía Tây giáp hộ ông Hoàng Cao Lệ. Kích thước khu đất có chiều dài phía Bắc 25,4m, chiều dài phía Nam 21,9m, chiều rộng phía Đông 23,47m, chiều rộng phía Tây 23,63m.

Kỷ phần tài sản ông Chính được hưởng là 50.000.000 đồng nên ông Chính có nghĩa vụ giao lại cho bà Trần Thị S số tiền 50.000.000 đồng; giao lại cho anh Trần Văn D số tiền 16.600.000 đồng, chị Trần Thị H số tiền 16.600.000 đồng, chị Trần Thị H số tiền 16.800.000 đồng; giao lại ông Trần Văn S số tiền 5.960.000 đồng.

- Bà Trần Thị S được nhận kỷ phần tài sản thừa kế là 50.000.000 đồng do ông Trần Văn C giao lại.

- Các con ông Trần Văn Kia được nhận phần tài sản thừa kế 50.000.000 đồng do ông Trần Văn C giao lại, cụ thể: Anh Trần Văn D 16.600.000 đồng, chị Trần Thị H 16.600.000 đồng, chị Trần Thị H 16.800.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu người phải thi hành án không thì hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi án có hiệu lực, các bên chấp hành xong bản án thì được quyền liên hệ vói các cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2019, nguyên đơn ông Trần Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và anh Trần Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn S, ông Trần Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh Trẫn Văn Dũng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bầy giữ nguyên kháng cáo xin được nhận kỷ phần bằng hiện vật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, xác định diện tích đất cụ

Khểnh, cụ Thoạn để lại là chưa chính xác. Việc xác định những người con của ông Kia là chưa chính xác, quá trình giải quyết không lấy lời khai cũng như thu thập tài liệu liên quan để xác định người thừa kế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bị đơn là ông Lê Quang C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Chính, bà Trần Thị S không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Sơn, ông Tám và anh Dũng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Tại bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiên trong tố tụng khi giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Ông Sơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế; di sản này do ông Chính quản lý và bán một phần cho anh Chiều. Lẽ ra cần phải xác định ông Chính là bị đơn, vợ chồng ông Chiều, bà Hiền là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mới đúng và mới đảm bảo việc xử lý hậu quả pháp lý khi quyết định nội dung vụ án.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất theo hồ sơ địa chính là 1064m^2 và định giá 280.000 đồng/1m^2 trong khi toàn bộ đất đang có tranh chấp là hai thửa rõ ràng gồm đất ở và đất hiện đang là ao; trên đất còn căn nhà là di sản do bố mẹ các đồng thừa kế xây dựng nhưng không định giá, không xác định vị trí để chia là thiếu sót.

- Ông Chính xác định không có tài liệu nào về việc được giao hoặc thừa hưởng một phần đất đó nhưng đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Chiều là hoàn toàn không có căn cứ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Sáu trình bầy ông Trần Văn Kia có 05 người con; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh hai người con của ông Kia là Trần Văn Đệ và Trần Văn Huynh đều đã có vợ, con. Ông Trần Văn S xác nhận ông Kia có 05 người con như bà Sáu trình bầy. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu người tham gia tố tụng; việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của họ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ lời trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và anh Trần Văn D trong hạn luật định. Ông Sơn, ông Tám thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí; anh Dũng đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận để xét.

Anh Dũng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng có đơn nêu rõ quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Dũng.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Sơn, ông Tám và anh Dũng:

Đây là vụ án tranh chấp về chia di sản thừa kế và hủy GCNQSDĐ do ông Trần Văn S khởi kiện đối với ông Trần Văn C và vợ chồng ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Hiền.

Di sản là của vợ chồng cụ Thoạn, cụ Khểnh (là bố mẹ của ông Sơn, ông Tám, ông Chính, ông Kia, bà Sáu…). Cụ Khểnh chết năm 1995, cụ Thoạn chết năm 2007, cả hai cụ đều không lập di chúc để lại cũng như không có bất cứ giấy tờ gì về việc, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản cho bất kỳ ai. Thời điểm mở thừa kế cuối cùng là năm 2007 khi cụ Thoạn chết.

Đơn khởi kiện của ông Trần Văn S ngày 05/12/2017 nộp tại Tòa án ngày 12/12/2007 yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo pháp luật và hủy GCNQSD đất số CĐ 274457 của UBND huyện H cấp cho hộ ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thu H. Theo hồ sơ địa chính năm 2004 của xã G thì diện tích đất đang tranh chấp trên có căn nhà cấp 4 do cụ Thoạn, cụ Khểnh làm từ năm 1960 thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 557m^2 đứng tên ông Trần Văn C; thửa số 354, tờ bản đồ số 5, diện tích 507m^2 đứng tên ông Trần Văn T. Toàn bộ đất này do ông Chính quản lý và có bán cho vợ chồng ông Lê Quang C một phần. Do đó, cần phải xác định ông Chính là bị đơn, vợ chồng ông Chiều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng và mới đảm bảo việc xử lý hậu quả pháp lý khi quyết định nội dung vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vợ chồng ông Chiều là bị đơn là không đúng; Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Về xác định người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ Trần Văn Thoạn và cụ Lê Thị Khểnh có 09 người con chung là các ông bà: Trần Văn Kim, Trần Văn Kỳ, Trần Văn Kia, Trần Văn S, Trần Văn Thành, Trần Thị S, Trần Thị Bảy, Trần Văn T và Trần Văn C.

Ông Trần Văn Kim, ông Trần Văn Kỳ đều chết vào năm 1967; ông Trần Văn Thành chết năm 1971; bà Trần Thị Bảy chết năm 1960. Lúc chết thì ông Kim, ông

Kỳ, ông Thành và bà Bảy đều chưa có vợ, chồng, con nên không có ngươi thừa kế thế vị.

Ông Trần Văn Kia chết năm 2003, có vợ là bà Hoàng Thị Cải chết ngày 29/09/2018 và các con là anh Trần Văn D, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H.

Tại thời điểm cụ Khểnh chết năm 1995, những người còn sống và thuộc diện được hưởng di sản thừa kế của cụ Khểnh, cụ Thoạn là các ông bà: Trần Văn Kia, Trần Văn S, Trần Thị S, Trần Văn T và Trần Văn C.

Tại thời điểm cụ Thoạn chết năm 2007, những người còn sống và thuộc diện được hưởng di sản thừa kế của cụ Khểnh, cụ Thoạn là các ông bà: Trần Văn S, Trần Thị S, Trần Văn T, Trần Văn C và các con của ông Trần Văn Kia là anh Trần Văn D, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H là người thùa kế thế vị của ông Kia theo quy định tại Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự 2015. Nhưng thực tế tại phiên tòa phúc thẩm bà Sáu mới khai và được ông Sơn và ông Tám xác nhận về việc ông Trần Văn Kia và vợ là bà Hoàng Thị Cải có các con là anh chị Trần Văn D, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H, ngoài ra còn có 02 người con trai là anh Trần Văn Huynh và anh Trần Văn Đệ, những người này cũng đã có vợ con và đều sinh sống trong miền nam. Đây là vấn đề mới phát sinh, cấp phúc thẩm và không thể bổ sung, khắc phục được.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác di sản còn để lại của cụ Thoạn, cụ Khểnh sau khi chết là 1064m^2 đất ở và định giá toàn bộ đất này theo khung giá của UBND tỉnh Thanh Hóa là 280.000đ/1m^2 và đem chia thừa kế là làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Vì, thực tế diện tích đất này theo hồ sơ địa chính cũng như hiện trạng được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa thì đất được chia thành hai thửa riêng biệt; một thửa trên có căn nhà cũ của bố mẹ để lại là đất ở, phần còn lại vẫn là ao. Ngoài ra trên đất còn có căn nhà cũ do bố mẹ các đương sự xây dựng từ lâu; có thể không còn giá trị kinh tế nhưng là nơi thờ cũng Liệt sỹ lại không được đo vẽ và xác định vị trí của căn nhà nên nếu tại cấp phúc thẩm xem xét giao di sản phục vụ cho việc thờ cúng của đương sự thì Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để giao nên không thể giải quyết triệt để vụ án cũng như không đảm bảo quyền lợi của vợ chồng ông Chiều khi cần phải xử lý hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu như đã phân tích.

Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội cũng như vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho ông Sơn để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục quy định.

Do hủy bản án sơ thẩm nên anh Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; số tiền tạm ứng án phí sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sẽ được xem xét lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông